

Số: 3409 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026 - 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026 - 2030;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- VP BCĐ QG về KTTT;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP;
- Sở NN&MT các tỉnh, TP;
- Công TTĐT Bộ NN&MT; Báo NN&MT (để đăng tin);
- Lưu: VT, KTHT

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Văn Hưng

KẾ HOẠCH

**của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Quyết định số 1128/QĐ-TTg
ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương
trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1128/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây viết tắt là: Quyết định số 1128/QĐ-TTg), Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 1128/QĐ-TTg; xác định rõ nội dung công việc, sản phẩm, tiến độ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong tổ chức thực hiện.

- Phát huy vai trò của kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường, cung cấp nước sạch, xử lý chất thải, phát triển dịch vụ nông thôn, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tiêu dùng và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Gắn phát triển kinh tế tập thể với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị; xây dựng nông thôn mới, phát triển nông thôn bền vững; sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Quyết định số 1128/QĐ-TTg; triển khai toàn diện theo các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

- Phân định rõ nhiệm vụ Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện với nhiệm vụ phối hợp với các bộ, ngành, địa phương; bảo đảm không chồng lấn với chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành khác.

- Ưu tiên các lĩnh vực mà Bộ có chức năng quản lý trực tiếp hoặc có vai trò quan trọng đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn và môi trường, nhất là nông nghiệp, vùng nguyên liệu, nước sạch nông thôn, vệ sinh môi trường, thu gom và

xử lý chất thải, kinh tế tuần hoàn, khoa học công nghệ, chuyển đổi số và các dịch vụ phục vụ cộng đồng nông thôn.

- Gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể với các chương trình, dự án, đề án đang triển khai; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, xã hội hóa, hợp tác công tư và nguồn lực quốc tế.

- Xác định rõ sản phẩm đầu ra, tiến độ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cơ chế theo dõi, đánh giá đối với từng nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đa ngành, đa lĩnh vực, đa dịch vụ, hoạt động hiệu quả, bền vững, phù hợp với đặc điểm từng ngành, vùng và địa phương; phát huy vai trò của kinh tế tập thể trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường, cung cấp nước sạch, xử lý chất thải, phát triển dịch vụ nông thôn, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tiêu dùng; nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của thành viên và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ; góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 trên 60% hợp tác xã hoạt động tốt, khá; nâng cao năng lực quản trị, chất lượng nguồn nhân lực và khả năng tiếp cận các nguồn lực của khu vực kinh tế tập thể.

b) Phát triển hợp tác xã gắn với vùng nguyên liệu tập trung, liên kết chuỗi giá trị và phát triển thị trường; phấn đấu đến năm 2030 ít nhất 50% hợp tác xã nông nghiệp có liên kết với doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế khác; ưu tiên các ngành hàng chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu và các lĩnh vực có lợi thế của từng địa phương.

c) Đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tập thể; phấn đấu đến năm 2030 ít nhất 50% hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng giải pháp số trong quản trị, sản xuất hoặc tiêu thụ sản phẩm; từng bước mở rộng ứng dụng công nghệ trong các hợp tác xã cung cấp dịch vụ môi trường, nước sạch, xử lý chất thải và các dịch vụ nông thôn.

d) Thúc đẩy chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và giảm phát thải; xây dựng, thí điểm và nhân rộng các mô hình hợp tác xã nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, phát thải thấp, cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại, xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải phù hợp với điều kiện thực tế.

đ) Xây dựng, lựa chọn và nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, đa hoạt động, đa dịch vụ trong nông nghiệp và các lĩnh vực thuộc phạm vi

quản lý của Bộ; gắn hoạt động của hợp tác xã với vùng nguyên liệu, chuỗi giá trị, dịch vụ thiết yếu, môi trường, cộng đồng và nhu cầu của thành viên.

e) Cải thiện môi trường kinh doanh, hệ thống thông tin và dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống theo dõi, đánh giá môi trường kinh doanh hợp tác xã; phát triển mạng lưới đào tạo, tư vấn, hỗ trợ và huy động các nguồn lực trong nước, quốc tế phục vụ phát triển kinh tế tập thể.

g) Phát triển nguồn nhân lực khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã: tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản trị và người lao động, thành viên trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2026 - 2030; từng bước chuẩn hóa kiến thức, kỹ năng quản trị hợp tác xã theo vị trí việc làm, ngành hàng và chuỗi giá trị.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể

a) Rà soát, đánh giá việc thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp.

b) Lồng ghép chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể vào các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án và kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

c) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển hợp tác xã đa hoạt động, đa dịch vụ, hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, vùng nguyên liệu, dịch vụ cộng đồng và bảo vệ môi trường.

d) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và các tổ chức kinh tế khác.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng, vùng nguyên liệu và liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

a) Tổ chức thực hiện các chương trình, đề án phát triển các vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung, liên kết sản xuất chuỗi giá trị nông nghiệp.

b) Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, logistics, truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số tại vùng nguyên liệu.

c) Triển khai các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và thành viên hợp tác xã.

d) Gắn phát triển vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị với các chương trình, đề án trọng điểm của Bộ, các ngành hàng chủ lực, sản phẩm OCOP và các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu.

3. Phát triển các tổ chức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ

a) củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp và ngành nghề nông thôn.

b) Phát triển hợp tác xã sản xuất, dịch vụ tổng hợp; hợp tác xã gắn với vùng nguyên liệu, ngành hàng chủ lực, sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn và chuỗi giá trị.

c) Phát triển hợp tác xã cung cấp dịch vụ thiết yếu ở nông thôn, trong đó có cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

d) Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tham gia tái chế, tái sử dụng chất thải, phụ phẩm và cung cấp dịch vụ môi trường, góp phần phát triển kinh tế tuần hoàn.

4. Thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh

a) Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ mới và chuyển giao công nghệ.

b) Xây dựng, phát triển và kết nối các nền tảng số phục vụ quản trị hợp tác xã, quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc, sản xuất, cung ứng dịch vụ và kết nối thị trường.

c) Hỗ trợ chuyển đổi số trong hợp tác xã cung cấp nước sạch, dịch vụ môi trường, thu gom, phân loại, xử lý và tái chế chất thải.

d) Hướng dẫn các hợp tác xã xây dựng và áp dụng các tiêu chí, quy trình kỹ thuật về chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải.

đ) Hỗ trợ hợp tác xã phát triển sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn, truy xuất nguồn gốc; phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu.

5. Xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả

a) Triển khai phương án nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo Quyết định số 1128/QĐ-TTg. Lựa chọn, xây dựng, hỗ trợ và nhân rộng các mô hình hợp tác xã phù hợp với từng ngành hàng, vùng nguyên liệu, chuỗi giá trị và điều kiện của từng địa phương.

b) Xây dựng thí điểm, nhân rộng các mô hình hợp tác xã sản xuất - kinh doanh đa dịch vụ; tích tụ, tập trung đất đai; tham gia các khâu của chuỗi giá trị; nông, lâm, thủy sản bền vững; gắn với phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn và các mô hình hợp tác xã cung cấp nước sạch, bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại, xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải.

6. Phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

a) Xây dựng chương trình khung, tài liệu, học liệu và nền tảng đào tạo số về quản trị hợp tác xã, liên kết chuỗi giá trị, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản trị và người lao động, thành viên trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giai đoạn 2026 - 2030; ưu tiên cán bộ quản trị, giám đốc, thành viên hội đồng quản trị, cán bộ chuyên môn

và người lao động của các hợp tác xã gắn với vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị, ngành hàng chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu và các chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành. Tổ chức và triển khai các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, hình thành đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại theo kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2060/QĐ-BNNMT ngày 01/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Xây dựng và phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo, giảng viên nguồn, chuyên gia, tư vấn viên và đội ngũ giảng viên thực hành; huy động sự tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức quốc tế và các tổ chức có liên quan.

d) Xây dựng, phát triển kho học liệu số, thư viện số và nền tảng đào tạo trực tuyến phục vụ khu vực kinh tế tập thể; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu về đào tạo, kết nối và chia sẻ thông tin giữa Bộ, địa phương, cơ sở đào tạo và các tổ chức có liên quan.

đ) Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng kết hợp đào tạo trực tiếp, trực tuyến và thực hành; tăng cường đào tạo tại hợp tác xã, doanh nghiệp, vùng nguyên liệu và các mô hình hoạt động hiệu quả; gắn đào tạo với tham quan, học tập kinh nghiệm, tư vấn, hướng dẫn và đồng hành sau đào tạo.

7. Huy động nguồn lực và tăng cường hợp tác quốc tế

a) Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án, đề án và chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

b) Ưu tiên huy động nguồn lực cho phát triển vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị, kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nước sạch và môi trường.

c) Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư, tổ chức khoa học công nghệ và các tổ chức khác tham gia hỗ trợ hợp tác xã.

d) Huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công tư, vốn ODA, viện trợ và các nguồn lực hợp pháp khác.

đ) Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường và xây dựng mô hình hợp tác xã.

8. Xây dựng cơ sở dữ liệu, thống kê và đánh giá môi trường kinh doanh khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp

a) Xây dựng, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Bộ, địa phương và các hệ thống thông tin có liên quan; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, cập nhật và có khả năng khai thác phục vụ quản lý.

c) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê, theo dõi và đánh giá phát triển kinh tế tập thể theo lĩnh vực, địa bàn và loại hình hợp tác xã.

d) Hoàn thiện Bộ chỉ số đánh giá môi trường kinh doanh đối với hợp tác xã, trước mắt tập trung đối với hợp tác xã nông nghiệp; tổ chức khảo sát, đánh giá định kỳ (02 năm/lần) môi trường kinh doanh, năng lực quản trị và khả năng tiếp cận nguồn lực của hợp tác xã. Công khai, chia sẻ kết quả đánh giá phục vụ hoạch định chính sách và cải thiện môi trường phát triển kinh tế tập thể.

9. Truyền thông, tuyên truyền và nâng cao nhận thức

a) Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

b) Tuyên truyền các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả trong nông nghiệp, môi trường, nước sạch, xử lý chất thải, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số và dịch vụ nông thôn.

c) Phổ biến kinh nghiệm quản trị, tổ chức sản xuất, liên kết chuỗi giá trị và huy động nguồn lực của các hợp tác xã điển hình.

d) Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, cơ quan báo chí, tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan trong công tác truyền thông.

10. Tăng cường quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát và đánh giá

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2023, Quyết định số 1128/QĐ-TTg và các chính sách phát triển kinh tế tập thể thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc.

c) Xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo sản phẩm, tiến độ và kết quả đầu ra.

d) Tổ chức sơ kết giữa kỳ, tổng kết giai đoạn 2026 - 2030; đánh giá hiệu quả chính sách, mô hình và các chương trình hỗ trợ.

đ) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan, bao gồm nguồn vốn đầu tư công đối với các nhiệm vụ thuộc đối tượng đầu tư công, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và thực tiễn của Bộ và từng địa phương.

b) Nguồn kinh phí thực hiện được lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án và các nhiệm vụ có liên quan đã được cấp có

thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo không trùng lặp về đối tượng, nội dung và nguồn vốn hỗ trợ.

c) Nguồn vốn viện trợ, tài trợ, vốn vay ưu đãi, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

d) Nguồn đóng góp, tài trợ, xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ động xây dựng dự toán kinh phí hằng năm, tổng hợp vào dự toán ngân sách của đơn vị, gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

a) Là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, địa phương và các tổ chức có liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn; tập trung vào hoàn thiện cơ chế, chính sách; phát triển hợp tác xã gắn với vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị; xây dựng, lựa chọn và nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản trị hợp tác xã; phối hợp lồng ghép các mục tiêu phát triển kinh tế tập thể vào các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ.

c) Chủ trì xây dựng, cập nhật và tổ chức theo dõi, đánh giá kết quả phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý của Bộ; tổng hợp thông tin, dữ liệu, kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch; phối hợp với các đơn vị, địa phương trong việc cung cấp, kết nối và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và hoạch định chính sách.

d) Tổng hợp tình hình thực hiện, nhu cầu hỗ trợ, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của các đơn vị, địa phương, hợp tác xã và các tổ chức có liên quan; phối hợp với các đơn vị chức năng tham mưu Bộ trưởng việc lồng ghép, huy động và sử dụng các nguồn lực thực hiện Kế hoạch theo quy định.

đ) Chủ trì tham mưu tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo sơ kết giữa kỳ, tổng kết giai đoạn 2026 - 2030; đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Các đơn vị liên quan thuộc Bộ

a) Vụ Kế hoạch - Tài chính: Tham mưu lãnh đạo Bộ bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định; phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tổng hợp, lồng ghép và huy động nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

b) Vụ Pháp chế: Phối hợp rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

c) Cục Môi trường: Hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã tham gia bảo vệ môi trường, quản lý chất thải, phát triển kinh tế tuần hoàn và các mô hình sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi: Hướng dẫn, hỗ trợ phát triển hợp tác xã tham gia quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả công trình cấp nước sạch nông thôn, công trình thủy lợi và các dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh theo quy định.

đ) Cục Chuyển đổi số: Hướng dẫn, hỗ trợ chuyển đổi số trong hợp tác xã; phát triển, kết nối và khai thác các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số phục vụ quản trị, sản xuất, cung ứng dịch vụ và kết nối thị trường.

e) Các Cục chuyên ngành: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản và Kiểm ngư, Lâm nghiệp và Kiểm lâm: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã phát triển sản xuất gắn với ngành hàng, vùng nguyên liệu, áp dụng quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất và các yêu cầu về an toàn, chất lượng, sản xuất xanh, hữu cơ, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

g) Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường: Hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã nâng cao chất lượng sản phẩm, sơ chế, chế biến, bảo quản, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và kết nối tiêu thụ; thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

h) Cục Biến đổi khí hậu: Hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và tham gia các cơ chế tạo giá trị từ giảm phát thải theo quy định.

i) Cục Quản lý đất đai: Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, vùng nguyên liệu và liên kết sản xuất; nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng, tích tụ, tập trung đất đai theo quy định.

k) Cục Quản lý tài nguyên nước; Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, thích ứng với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, phòng, chống và ứng phó với thiên tai, nâng cao khả năng chống chịu của tổ chức kinh tế tập thể và cộng đồng nông thôn.

l) Vụ Khoa học và Công nghệ: Chủ trì tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế tập thể; phối hợp hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ xanh và công nghệ số.

m) Trung tâm Khuyến nông quốc gia: Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ và xây dựng, nhân rộng mô hình hợp tác xã gắn với vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị, sản xuất xanh, hữu cơ, giảm phát thải, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số.

n) Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường: Phối hợp nghiên cứu, đánh giá thực tiễn, đề xuất cơ chế, chính sách; nghiên cứu mô hình, xu hướng phát triển kinh tế tập thể trong nước và quốc tế; đánh giá tác động chính sách và đề xuất nhân rộng các mô hình phù hợp.

o) Các đơn vị khác thuộc Bộ: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai Kế hoạch; lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể vào các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ chuyên môn; cung cấp thông tin, dữ liệu và phối hợp huy động nguồn lực theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Căn cứ Kế hoạch của Bộ và Kế hoạch của UBND cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026 - 2030 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường bảo đảm phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương.

b) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai các chương trình, đề án, mô hình thí điểm; tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các tổ hợp tác, hợp tác xã thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

c) Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Chế độ theo dõi, kiểm tra và báo cáo

a) Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; tổ chức kiểm tra việc thực hiện tại các đơn vị thuộc Bộ và địa phương khi cần thiết.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định./.

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1128/QĐ-TTG NGÀY 24 THÁNG 6 NĂM 2026 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày / /2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian hoàn thành	Cấp trình/ban hành
1	Rà soát, đánh giá việc thực hiện Luật HTX năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định không còn phù hợp.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ Pháp chế; các đơn vị liên quan	Báo cáo rà soát, đề xuất	2026 - 2030	Bộ trưởng/cấp có thẩm quyền
2	Nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định về phát triển liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững (thay thế Nghị định số 98/2018/NĐ-CP)	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ Pháp chế; các đơn vị liên quan	Dự thảo hồ sơ trình Chính phủ	Tháng 11/2026	Hồ sơ dự thảo trình Chính phủ
3	Lồng ghép chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã vào các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án, dự án và kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ Kế hoạch - Tài chính; các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo / đề xuất lồng ghép	Hàng năm	Bộ trưởng
4	Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung giai đoạn 2026-2030.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Ban Quản lý các dự án nông nghiệp; các	Đề án; báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm	Bộ trưởng

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian hoàn thành	Cấp trình/ban hành
			đơn vị liên quan; Sở NN và MT các tỉnh, TP			
5	Tổ chức thực hiện dự án đầu tư công hỗ trợ HTX phát triển kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu.	Ban Quản lý các dự án nông nghiệp	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; Vụ Kế hoạch - Tài chính; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Dự án, báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm	Bộ trưởng
6	Lựa chọn, xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, đa hoạt động, đa dịch vụ, gắn với ngành hàng, vùng nguyên liệu, chuỗi giá trị và lợi thế của từng địa phương; khuyến khích áp dụng chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải phù hợp với từng mô hình.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Các Cục chuyên ngành; Cục Môi trường; Cục Biến đổi khí hậu; Cục Chuyển đổi số; Vụ Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Khuyến nông quốc gia; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Mô hình; báo cáo đánh giá; tài liệu hướng dẫn nhân rộng	Hàng năm	Bộ trưởng
7	Xây dựng và triển khai nền tảng dùng chung hợp tác xã nông nghiệp, quản lý vùng nguyên liệu và kết nối thị trường.	Cục Chuyển đổi số	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các đơn vị liên quan; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Khung nền tảng; báo cáo kết quả triển khai	Hoàn thành khung năm 2027; triển khai từ 2028	Bộ trưởng
8	Xây dựng, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu về HTX; xây dựng hệ thống chỉ tiêu và theo dõi, đánh giá kết quả phát triển kinh tế tập thể, HTX thuộc phạm vi quản lý của Bộ.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Cục Chuyển đổi số; các đơn vị liên quan thuộc Bộ; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Cơ sở dữ liệu; bộ chỉ tiêu; hệ thống theo dõi, đánh giá; báo cáo vận hành	2027 - 2030	Bộ trưởng

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian hoàn thành	Cấp trình/ban hành
9	Nghiên cứu, xây dựng, thí điểm và nhân rộng mô hình HTX đa hoạt động, phát triển đa dịch vụ, đáp ứng đồng thời lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường của thành viên	Viện Chiến lược, Chính sách NN và MT	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các đơn vị liên quan thuộc Bộ; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Mô hình; báo cáo đánh giá; đề xuất chính sách	2027 - 2028	Bộ trưởng
10	Hỗ trợ, hướng dẫn HTX cung cấp nước sạch, quản lý, khai thác công trình cấp nước và cung cấp dịch vụ nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt ở nông thôn theo quy định.	Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các đơn vị liên quan thuộc Bộ; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Mô hình thí điểm; báo cáo đánh giá; tài liệu hướng dẫn nhân rộng	2026 - 2030	Bộ trưởng
11	Hỗ trợ, hướng dẫn HTX xử lý chất thải, tái chế và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải; hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại, xử lý chất thải tại các khu dân cư nông thôn.	Cục Môi trường	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các đơn vị liên quan thuộc Bộ; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Mô hình thí điểm; báo cáo đánh giá; tài liệu hướng dẫn nhân rộng	2026 - 2030	Bộ trưởng
12	Hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác xã thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và tham gia các cơ chế tạo giá trị từ giảm phát thải theo quy định.	Cục Biến đổi khí hậu	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các đơn vị liên quan thuộc Bộ; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Mô hình thí điểm; báo cáo đánh giá; tài liệu hướng dẫn nhân rộng	2026 - 2030	Bộ trưởng
13	Hỗ trợ, hướng dẫn HTX áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng; phát triển tài	Cục Chất lượng, Chế biến và	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các đơn vị liên	Mô hình; sản phẩm đạt tiêu	2026 - 2030	Bộ trưởng

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian hoàn thành	Cấp trình/ban hành
	sản trí tuệ, thương hiệu, sơ chế, chế biến, bảo quản và đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.	Phát triển thị trường	quan thuộc Bộ; Sở NN và MT các tỉnh, TP	chuẩn; báo cáo kết quả		
14	Xây dựng Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế tập thể, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, kinh tế nông nghiệp sinh thái, xanh, tuần hoàn và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Trường Chính sách công và PTNT; các đơn vị liên quan thuộc Bộ; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Quyết định của Bộ trưởng ban hành Chương trình	2026 - 2030	Bộ trưởng
15	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ quản lý hợp tác xã về chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn và liên kết chuỗi giá trị.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Trường Chính sách công và PTNT; các đơn vị liên quan thuộc Bộ; các tổ chức, đơn vị liên quan; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm	
16	Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ chương trình, dự án, đề án, hợp tác công tư, xã hội hóa, nguồn vốn ODA, viện trợ và các nguồn lực hợp pháp khác để hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; Vụ Hợp tác quốc tế; các đơn vị thuộc Bộ; đối tác phát triển; doanh nghiệp, tổ chức tín dụng	Danh mục nguồn lực/dự án; báo cáo huy động và sử dụng nguồn lực	Hàng năm	Bộ trưởng
17	Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác	Vụ Hợp tác quốc tế	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các đơn vị thuộc	Chương trình/dự án hợp	Hàng năm	Bộ trưởng

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian hoàn thành	Cấp trình/ban hành
	xã; huy động nguồn lực, tiếp nhận và chuyển giao kinh nghiệm, công nghệ, đào tạo, phát triển thị trường và xây dựng mô hình hợp tác xã.		Bộ; tổ chức quốc tế, đối tác phát triển	tác; biên bản hợp tác; báo cáo kết quả		
18	Khảo sát, đánh giá “Môi trường kinh doanh cấp tỉnh đối với kinh tế tập thể, HTX trong nông nghiệp”.	Viện Chiến lược, Chính sách NN và MT	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT; các đơn vị thuộc Bộ; các tổ chức liên quan; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Báo cáo kết quả đánh giá	2027 - 2028; định kỳ 02 năm/lần	Bộ trưởng
19	Hoàn thiện báo cáo nghiên cứu, đề xuất áp dụng Bộ chỉ số đánh giá môi trường kinh doanh đối với hợp tác xã trên phạm vi toàn quốc.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Viện Chiến lược, Chính sách NN và MT; các đơn vị thuộc Bộ; các tổ chức liên quan; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2029 - 2030	Bộ trưởng
20	Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp; tuyên truyền, phổ biến các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Văn phòng Bộ; Báo Nông nghiệp và Môi trường; các đơn vị liên quan	Kế hoạch truyền thông; diễn đàn; hội nghị; chuyên trang, chuyên mục	Hàng năm	Bộ trưởng
21	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, chính sách.	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT	Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Pháp chế; các đơn vị thuộc Bộ; Sở NN và MT các tỉnh, TP	Kế hoạch kiểm tra; báo cáo hàng năm; tổng kết 2026 - 2030	Hàng năm; tổng kết 2030	Bộ trưởng